



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG HSK
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 18/8/2024 - TRÌNH ĐỘ HSK6

PHÒNG THI: 3.8

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62407850200000001	NGUYEN MINH ANH	女	2003-11-08	019303003413	LR 3.8	
2	H62407850200000002	DO BUI NHAT HOA	女	1999-10-21	031199004617	LR 3.8	
3	H62407850200000003	NGUYEN VU TUE GIANG	女	2007-05-08	001307034305	LR 3.8	
4	H62407850200000004	LE THI DUNG	女	2001-09-19	038301005268	LR 3.8	
5	H62407850200000005	NGUYEN DUC THANH	男	1996-10-10	024096000685	LR 3.8	
6	H62407850200000006	DAO THI MY ANH	女	1997-11-03	001197011443	LR 3.8	
7	H62407850200000007	NGUYEN THI THANH PHUONG	女	2000-01-01	025300001921	LR 3.8	
8	H62407850200000008	LUONG NGOC ANH	女	2000-11-28	034300006340	LR 3.8	
9	H62407850200000009	HOANG HUONG HA	女	2002-12-26	020302000565	LR 3.8	
10	H62407850200000010	NGUYEN THU HOAI	女	2002-01-06	020302002755	LR 3.8	
11	H62407850200000011	DINH BA THI	男	1991-05-09	034091000879	LR 3.8	
12	H62407850200000012	LA THI BICH VIET	女	2006-11-12	035306000457	LR 3.8	
13	H62407850200000013	NGUYEN THUY VAN	女	2001-07-01	001301030213	LR 3.8	
14	H62407850200000014	LE KHANH LINH	女	2003-12-01	030303001752	LR 3.8	
15	H62407850200000015	VU NGOC ANH	女	2003-12-20	030303001860	LR 3.8	
16	H62407850200000016	NGUYEN DINH CUNG	男	2000-03-05	027200008298	LR 3.8	
17	H62407850200000017	NGUYEN THI PHUONG THAO	女	1998-08-16	P01117059	LR 3.8	
18	H62407850200000018	TRAN THI TUYET HA	女	2004-06-29	020304001156	LR 3.8	
19	H62407850200000019	LUU THI HA	女	1994-07-16	024194007200	LR 3.8	
20	H62407850200000020	TA THI HOA	女	1993-11-02	001193025864	LR 3.8	
21	H62407850200000021	NGUYEN NGOC LINH PHUONG	女	2004-08-09	001304021953	LR 3.8	
22	H62407850200000022	DOAN NHU QUYNH	女	2001-09-20	038301013627	LR 3.8	
23	H62407850200000023	SUNG THI HUONG	女	2007-07-03	010307003584	LR 3.8	
24	H62407850200000024	NGUYEN QUYNH NGA	女	2001-07-18	001301016864	LR 3.8	
25	H62407850200000025	VU MINH NGOC	女	2007-08-18	001307046531	LR 3.8	
26	H62407850200000026	DUONG THI TAM	女	1994-06-14	024194001971	LR 3.8	
27	H62407850200000027	VU THUY TRANG	女	2005-11-14	031305007015	LR 3.8	
28	H62407850200000028	PHUNG THI HOA	女	1996-09-04	026196003618	LR 3.8	
29	H62407850200000029	NGUYEN THI VAN ANH	女	1991-10-22	C1546748	LR 3.8	

Ấn định danh sách có 29 thí sinh./.